

Bản án số: 19/2021/HS-ST

Ngày: 20/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Thiện.

2/ Bà Nguyễn Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 332/2020/TLST- HS ngày 12 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 398/2020/TLST- HS ngày 22 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H, sinh năm 1996 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/8/2020 cho đến nay. Có mặt.

2. Trương Minh B, sinh năm 1999 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương T Q, sinh năm 1970 và bà Văng Thị Hoàng N, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/8/2020 cho đến nay, (có mặt).

- Bị hại: Ông Lê Văn C, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh An Giang, (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1987; nơi cư trú: khu phố A, phường T, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Người làm chứng:
- Ông Lê Văn T, (có mặt).
- Bà Nguyễn Thị Ngọc T, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn H trước đây cùng làm công nhân chung với Lê Văn C tại Công ty TNHH W thuộc khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian làm việc chung H và C có xảy ra mâu thuẫn trong công việc, thời gian sau thì H bị công ty cho nghỉ việc.

Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 16/4/2020, Phạm Văn H cùng với Trương Minh B tổ chức ăn uống tại phòng trọ của H thuộc khu phố H, phường G, thành phố T. Tại đây, H kể lại cho B nghe sự việc giữa H và Lê Văn C có mâu thuẫn với nhau ở công ty rồi rủ B đi tìm C để đánh thì B đồng ý. B đã liên hệ với một người thanh niên tên T (không rõ lai lịch) mượn 02 con dao tự chế để đi tìm C. Sau đó, H điều khiển xe mô tô kiểu dáng Sirius màu xám, biển số 61U3-0125 mượn của một người bạn tên L (không rõ lai lịch) chở B đến gần nhà hàng H thuộc đường T, khu phố B, phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương gặp T. Khi đến nơi thì T đưa cho B 02 con dao tự chế và B cầm dao để trên yên xe khoảng giữa B và H ngồi rồi H điều khiển xe chở B quay về phòng trọ chờ. Đến khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô chở B, mỗi người mang theo một con dao tự chế giấu trong áo khoác chạy đến Công ty nơi Lê Văn C đang làm việc. Khi đến đoạn ngã ba giao nhau giữa đường A và đường T hướng vào đường A khoảng 12m thì H dừng xe lại và nhìn thấy C đang điều khiển xe mô tô chở vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc T chạy từ công ty ra hướng đường T. Nhìn thấy C, H xuống xe lấy dao ra cầm trên tay chạy lại chém vào cánh tay trái của C gây thương tích, bị chém bị hại C bỏ xe chạy bộ ra đường Lê Thị T thì B tiếp tục cầm dao đuổi theo chém nhưng không đuổi kịp nên B cầm dao quay lại lên xe H chờ bỏ đi, cả hai chạy đến trả dao cho T rồi cùng bỏ trốn, bị hại C được người dân đưa đi bệnh viện điều trị. Đến ngày 29/8/2020 Cơ quan điều tra đã bắt được Phạm Văn H, Trương Minh B.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 233/2020/GDPY ngày 11/6/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Bình Dương kết luận: Tỷ lệ thương tích của bị hại Lê Văn C là 06%, gồm các vết thương: 02 vết thương mặt sau ngoài cẳng tay trái 10,3 x 0,1 cm và 9 x 0,3 cm, đứt cơ duỗi cổ tay trụ, cơ duỗi các ngón, gân cơ duỗi ngón III, IV, V. Cơ chế hình thành vết thương: 1/3 dưới mặt sau ngoài cẳng tay trái, sẹo hình cung, chiều nằm ngang, hướng từ sau ra trước, bờ sắc nhọn, khả năng do vật sắc gây ra; 1/3 vết thương giữa mặt sau ngoài cẳng tay trái, chiều từ trên xuống, hướng từ sau ra trước, bờ sắc nhọn, khả năng do vật sắc gây ra.

Bản Cáo trạng số 346/CT-VKS -TA ngày 11/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Phạm Văn H, Trương Minh B về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và xác định: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn H mức án tù 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù; xử phạt bị cáo Trương Minh B mức án tù 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện nhận trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 60.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại.

Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là 02 con dao tự chế mà các bị cáo B, H sử dụng để gây thương tích cho bị hại, các bị cáo đã trả lại cho đối tượng T, không thu hồi được nên không đề nghị xem xét.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đen bạc, biển số 61U3-0125 do các bị cáo H, B sử dụng làm phương tiện đi gây thương tích cho bị hại C. Quá trình điều tra xác định xe trên do bà Huỳnh Thị K đứng tên chủ sở hữu, bà K khai đã bán lại cho một người (không rõ lai lịch) sử dụng, khi bán không làm thủ tục sang tên chủ sở hữu, bà K không có yêu cầu gì đối với xe mô tô trên. H khai nhận mượn xe mô tô biển số 61U3-0125 của một người bạn tên L (không rõ lai lịch) để sử dụng, sau khi gây thương tích cho bị hại C, H đã đem xe về trả lại cho L, hiện nay L ở đâu H không biết, do đó Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý đối với xe mô tô trên, nên tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đối với đối tượng tên T (không rõ lai lịch) là người đã cho B và H mượn hung khí để gây thương tích cho bị hại C, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại nơi bị cáo B và H mượn hung khí của T thuộc khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thành phố T nhưng không có ai là người tên T như các bị cáo khai nhận.

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, tự nguyện nhận có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền bị hại yêu cầu 60.000.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo chịu ½ số tiền bồi thường, không có ý kiến tranh luận gì thêm, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, xin lỗi bị hại và xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại C trình bày nội dung sự việc như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, bị hại yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường tiền thuốc men chữa trị vết thương, tiền thu nhập bị mất do không đi làm được (tương đương 02 tháng lương), tiền tổn thất tinh thần, tổng cộng số tiền 60.000.000 đồng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo theo quy định, không có ý kiến tranh luận gì.

- Người làm chứng Lê Văn T trình bày: Thiệt là anh trai của bị hại Lê Văn C, vào chiều ngày 16/4/2020 ông T được một người bạn điện thoại báo tin C bị chém, khi T từ công ty chạy ra thấy C đang bị một người thanh niên tên B cầm dao rượt đuổi một đoạn rồi quay lại lên xe do H chờ sẵn chờ đi.

- Người làm chứng Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: T là vợ của bị hại Lê Văn C, vào chiều ngày 16/4/2020 T và C đang trên đường đi làm về, C chở T ngồi phía sau. Khi đến đoạn đường giao nhau với đường Lê Thị T thì C bất ngờ bỏ xe chạy bộ ra hướng Lê Thị Trung, phía sau có một người thanh niên trên tay cầm dao tự chế chạy bộ đuổi theo C và có một người thanh niên tên H điều khiển xe mô tô kiểu dáng Sirius màu đen chạy phía sau khi ông rõ cầm vật gì không rõ. Khi C chạy ra đến đường Lê Thị T do có nhiều người dân ra nên người thanh niên cầm dao rượt C lên xe của H đang điều khiển phía sau chạy đi mất. Tại thời điểm C bị chém thì T không nhìn thấy vòng phía sau ôm thùng hàng mất chỉ quan sát hướng rẽ đường theo chiều đi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Văn H, Trương Minh B phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Dựa vào lời khai của các bị cáo, Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 233/2020/GDPY ngày 11/6/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Bình Dương, lời khai của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, kết quả thực nghiệm điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 16/4/2020 tại đoạn ngã ba giao nhau giữa đường A và đường Lê Thị T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Phạm Văn H cùng bị cáo Trương Minh B dùng dao tự chế chém vào tay trái của bị hại Lê Văn C gây thương tích với tỷ lệ 06%, gồm các vết thương: 02 vết thương mặt sau ngoài cẳng tay trái 10,3 x 0,1 cm và 9 x 0,3 cm, đứt cơ duỗi cổ tay trụ, cơ duỗi các ngón, gân cơ duỗi ngón III, IV, V. Cơ chế hình thành vết thương: 1/3 dưới mặt sau ngoài cẳng tay trái, sọc hình cung, chiều nằm ngang, hướng từ sau ra trước, bờ sắc nhọn; 1/3 vết thương giữa mặt sau ngoài cẳng tay trái, chiều từ trên xuống, hướng từ sau ra trước, bờ sắc nhọn.

Giữa bị cáo H và bị hại C tuy có mâu thuẫn từ trước nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong quá trình còn làm việc chung công ty, H đã nghỉ việc được một thời gian nhưng lại quay lại dùng dao tự chế gây thương tích cho C. Trương Minh B và C không có mâu thuẫn gì nhưng B đã đồng ý với H đi tìm C để gây thương tích, B tích cực đi

mượn dao tự chế và cùng H đến gây thương tích cho C với hai vết thương như trên. Hành vi của các bị cáo Phạm Văn H, Trương Minh B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo các điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong vụ án này, bị cáo Phạm Văn H là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại C, bị cáo Trương Minh B là người giúp sức cho H.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố các bị cáo Phạm Văn H, Trương Minh B về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo H chỉ vì mâu thuẫn nhỏ, cho rằng vì C mà H bị công ty cho nghỉ việc rồi lấy đó làm cớ đi chém gây ra thương tích cho bị hại C. Bị cáo B không có mâu thuẫn gì với C nhưng B đã đồng ý với H đi tìm C để gây thương tích, B đã tích cực đi mượn hung khí là dao tự chế, cùng H đi tìm C, sau khi H chém C xong, bị hại C đã bị thương tích và phản ứng B cách bỏ chạy thì B lại có hành vi cầm dao tự chế đuổi theo định chém C thêm. Thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là giờ tan ca, đông người qua lại nhưng các bị cáo vẫn ngang nhiên thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, thể hiện tính chất côn đồ, coi thường pháp luật. Do đó cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm tương xứng tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Trong vụ án có vai trò đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo có sự bàn bạc, chuẩn bị dụng cụ nhưng không có sự phân công cụ thể. Bị cáo B là người mượn hung khí, bị cáo H là trực tiếp gây thương tích cho bị hại, điều đó thể hiện bản chất của bị cáo H nguy hiểm cho xã hội cao hơn bị cáo B nên phải chịu mức án cao hơn.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Mức đề nghị hình phạt của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là phù hợp với hành vi của các bị cáo đã thực hiện.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền thuốc men chữa trị vết thương, tiền thu nhập bị mất do không đi làm được (tương đương 02 tháng lương), tiền tổn thất tinh thần, tổng cộng số tiền 60.000.000 đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên, trong đó mỗi bị cáo chịu 1/2 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 con dao tự chế là hung khí mà các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, sau khi phạm tội các bị cáo đã trả lại cho đối tượng T, không thu hồi được nên không đặt ra xem xét.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đen bạc, biển số 61U3-0125 do các bị cáo H, B sử dụng làm phương tiện đi gây thương tích cho bị hại C. Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên do bà Huỳnh Thị K đứng tên chủ sở hữu, bà K khai đã bán lại cho một người (không rõ lai lịch) sử dụng, khi bán không làm thủ tục sang tên chủ sở hữu, bà K không có yêu cầu gì đối với xe mô tô trên. H khai nhận mượn xe mô tô biển số 61U3-0125 của một người bạn tên L (không rõ lai lịch) để sử dụng, sau khi gây thương tích cho bị hại C, H đã đem xe về trả lại cho L, hiện nay L ở đâu H không biết, do đó Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý đối với xe mô tô trên nên tiếp tục xác minh, xử lý sau là có cơ sở.

Đối với đối tượng tên T hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên sẽ xử lý ở một vụ án khác khi có căn cứ.

[10] Về án phí Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều a, i khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Các Điều 288, 584, 585, 586, 587 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H, Trương Minh B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2020.

Xử phạt bị cáo Trương Minh B 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Phạm Văn H, Trương Minh B liên đới bồi thường cho bị hại ông Lê Văn C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), trong đó phần của mỗi bị cáo là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố T;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố T;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Các bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh